

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ
TRUYỀN SỐ LIỆU NỘI HẠT**

Số: 20221226/TSLNH-TTKDKHA-THANHTRATINH

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

- Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công nghệ thông tin;

- Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

- Căn cứ Thông tư số 05/2011/TT-BTTTT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về giải quyết khiếu nại của người sử dụng dịch vụ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ Truyền số liệu được lập và ký kết ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại Trung Tâm Kinh Doanh VNPT - Khánh Hòa, giữa các Bên dưới đây:

Bên sử dụng dịch vụ : THANH TRA TỈNH KHÁNH HÒA
Địa chỉ : 26 Hùng Vương – P. Lộc Thọ - TP. Nha Trang – T. Khánh Hòa
Điện thoại : 0258.3521280
Fax :
Tài khoản :
Tại :
Mã số thuế : 4200750952
Người đại diện : **Ông. TRẦN MINH CHIẾN**
Chức Vụ : **Giám Đốc**

Sau đây gọi là “BÊN A”

Và

Bên cung cấp dịch vụ : TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT – KHÁNH HÒA
Địa chỉ : Số 01 đường Hùng Vương, P.Lộc Thọ, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Điện thoại : 0258.3529599 Fax: 0258.3526699
Mã số thuế : 0106869738 – 034
Ủy quyền cho : **PHÒNG KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP**
Mã số ĐDKD 00504 cấp ngày 11 tháng 12 năm 2015.
Đại diện : Ông **Nguyễn Quốc Khánh** Chức vụ: **Giám đốc**
(Quyết định ủy quyền: 231/QĐ-TTKD KH-THNS ngày 26/09/2022).
Tài khoản : 0106869738-034
Tại : Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT Tỉnh Khánh Hòa

Sau đây gọi là “BÊN B”



Hai bên nhất trí cùng ký kết Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ truyền số liệu với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Định nghĩa

- 1.1. “Hợp đồng” được hiểu là Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ Truyền số liệu và các phụ lục kèm theo được ký kết giữa Bên A và Bên B.
- 1.2. “Ngày làm việc” được hiểu là ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6, trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định của Nhà nước Việt Nam.
- 1.3. “Tháng” được hiểu là tháng dương lịch.
- 1.5. “Dịch vụ” được hiểu là các dịch vụ truyền số liệu nội hạt, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các dịch vụ: kênh thuê riêng (KTR), dịch vụ VPN (Metronet/MegaWAN)...
- 1.6. “Thay đổi thông tin dịch vụ” được hiểu là việc thay đổi các thông tin về kênh truyền số liệu bao gồm: chuyển quyền sử dụng, nâng/giảm tốc độ, hủy kênh (chấm dứt kênh), tạm ngưng, khôi phục, dịch chuyển (thay đổi địa chỉ kết nối), hướng kết nối.
- 1.7. “Sự kiện bất khả kháng” được hiểu là sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát của các bên và sự kiện đó cản trở bất kỳ Bên nào hoàn thành toàn bộ hoặc thực hiện một phần nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn trong các sự kiện như hoả hoạn, lũ lụt, động đất, chiến tranh, khủng bố, dịch bệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
- 1.8. “Bằng văn bản” được hiểu là bất kỳ phương thức giao dịch truyền tải nội dung nào, bao gồm fax, email, công văn, thư thông báo.

Điều 2: Dịch vụ cung cấp

Bên B sẽ cung cấp Dịch vụ cho Bên A theo danh sách và mô tả dịch vụ dưới đây:

(ĐV: Đồng, đã bao gồm VAT)

| STT | Địa điểm lắp đặt kênh | Số máy | Loại công/kênh | Tốc độ Mbp/s | Cước đầu nối hòa mạng | Cước sử dụng dịch vụ hàng tháng |
|-----|---|--------|----------------|--------------|-----------------------|---------------------------------|
| 01 | 26 Hùng Vương – P. Lộc Thọ - TP. Nha Trang – T. Khánh Hòa | | FE | 4Mbps | 1.500.000 | 787.200 |
| | | | | Cộng | 1.500.000 | 787.200 |
| | | | | 10% VAT | 150.000 | 78.720 |
| | | | | Thành tiền | 1.650.000 | 865.920 |
| | (Số tiền cước đầu nối hòa mạng bằng chữ: Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn) Số tiền cước sử dụng dịch vụ hàng tháng bằng chữ: Tám trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm hai mươi đồng) | | | | | |

Điều 3: Giá cước dịch vụ

- 3.1. Cước đầu nối hoà mạng và cước thuê kênh hàng tháng: theo quy định tại điều 2. Cước thuê kênh hàng tháng được tính từ ngày bắt đầu tính cước ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao dịch vụ giữa hai Bên.

- 3.2. Khi có sự thay đổi về giá cước thuê kênh hàng tháng, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B để trao đổi, thống nhất và ký Phụ lục bổ sung.

Điều 4: Phương thức thanh toán

- 4.1. Trước ngày mười (10) của tháng sau tháng phát sinh số liệu, Bên B gửi hóa đơn/hoặc thông báo cước của tháng liền kề trước đó cho Bên A.
- 4.2. Trong vòng tám (8) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy báo thanh toán cước dịch vụ viễn thông (căn cứ vào xác nhận của Bưu điện hoặc do thu ngân viên của bên B gửi đến), Bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản cước phí Dịch vụ phát sinh trong tháng bằng Đồng Việt Nam (bằng hình thức chuyển khoản và vào tài khoản Ngân hàng của Bên B, hoặc tại điểm thu cước viễn thông, hoặc tại địa chỉ do bên A đăng ký trước). Nếu ngày thanh toán không phải là ngày làm việc, thì Bên A thanh toán cho Bên B vào ngày làm việc tiếp theo. Quá thời hạn trên, Bên A phải chịu lãi phát sinh cho số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Điều 5: Thời hạn hợp đồng

Thời hạn của Hợp đồng là không xác định, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác. Thỏa thuận khác là Phụ lục không tách rời Hợp đồng này.

Điều 6: Tạm ngưng cung cấp dịch vụ

- 6.1. Trong trường hợp Bên A có nhu cầu tạm ngưng sử dụng toàn bộ hoặc một số kênh, Bên A phải có văn bản yêu cầu Bên B trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định tạm ngưng dịch vụ và làm các thủ tục, thanh toán hết các khoản cước phải trả tính đến thời điểm tạm ngưng theo quy định hiện hành. Thời gian tạm ngưng một lần tối đa là chín mươi (90) ngày kể từ ngày hoàn tất thủ tục tạm ngưng.
- 6.2. Bên B có quyền đơn phương tạm ngưng cung cấp dịch vụ nếu xảy ra một trong các trường hợp dưới đây (khi tạm ngưng cung cấp dịch vụ, Bên B phải thông báo để Bên A biết):
- Bên A không thực hiện đúng nghĩa vụ được quy định tại khoản 4.2, Điều 4 và Khoản 8.1.B, Điều 8.
 - Bên A cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng không chính xác, sử dụng dịch vụ viễn thông không đúng quy định của pháp luật Việt Nam.
 - Thiết bị đầu cuối, mạng nội bộ, dây thuê bao của Bên A không đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng đã quy định, ảnh hưởng đến chất lượng mạng lưới.
 - Bên B tổ chức nâng cấp, tu bổ, sửa chữa mạng lưới theo kế hoạch hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng xảy ra.
 - Có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 6.3. Trong thời gian tạm ngưng, Bên A phải thanh toán cho Bên B cước tạm ngưng, trừ trường hợp tạm ngưng quy định tại Khoản 6.2.d và 6.2.e.

Điều 7: Chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng

- 7.1. Bên A có quyền chấm dứt toàn bộ hoặc một số kênh của Hợp đồng khi không có nhu cầu tiếp tục sử dụng dịch vụ, Bên A phải có văn bản yêu cầu Bên B làm các thủ tục liên quan. Hợp đồng chính thức chấm dứt hiệu lực kể từ khi Bên A và Bên B ký biên bản chấm dứt Hợp đồng
- 7.2. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:



- a. Quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn tạm ngưng cung cấp dịch vụ theo quy định tại khoản 6.1, Điều 6 mà Bên A không có yêu cầu tiếp tục sử dụng dịch vụ. Trường hợp này, Bên A vẫn phải thanh toán cho Bên B cước áp dụng cho thời gian tạm ngưng cung cấp dịch vụ như quy định tại khoản 6.1.
 - b. Sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên A bị tạm ngưng cung cấp dịch vụ theo quy định tại Điều a, b, c, Khoản 6.2, Điều 6 mà Bên A vẫn không thực hiện các nghĩa vụ của mình.
 - c. Bên A có hành vi làm ảnh hưởng đến an toàn mạng viễn thông và an ninh thông tin hoặc có hành vi vi phạm khác trong việc sử dụng dịch vụ Viễn thông mà hành vi đó được quy định, mô tả tại các văn bản pháp luật.
 - d. Có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 7.3. Việc chấm dứt Hợp đồng không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

8.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

A. Quyền của bên A:

- 8.1.1 Thực hiện và yêu cầu Bên B thực hiện đúng các nội dung của Hợp đồng.
- 8.1.2. Được quyền yêu cầu Bên B:
 - a. Thay đổi thông tin dịch vụ khi cần thiết.
 - b. Lựa chọn hình thức thanh toán, nhận thông báo cước dịch vụ theo quy định hiện hành.
 - c. Bảo mật thông tin của Bên A.
- 8.1.3. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

B. Nghĩa vụ của Bên A

- 8.1.4. Thực hiện đúng các nội dung của Hợp đồng. Sử dụng các dịch vụ viễn thông theo đúng các quy định của Pháp luật Việt Nam và của Bên B.
- 8.1.5. Thanh toán cước đủ, đúng hạn và chịu mọi chi phí (chuyển tiền, phí ngân hàng và các chi phí khác có liên quan) phát sinh khi thanh toán cước để đảm bảo Bên B nhận được đủ số tiền cước trong thông báo cước/hoá đơn hàng tháng.
- 8.1.6. Cung cấp trung thực và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về địa chỉ lắp đặt, mục đích, qui mô, cấu hình mạng và các thông tin khác liên quan đến Hợp đồng. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin mà Bên A lưu trữ, truyền đưa qua mạng dịch vụ của Bên B
- 8.1.7. Thông báo bằng văn bản cho Bên B và phối hợp với Bên B thực hiện các thủ tục cần thiết, khi thay đổi thông tin dịch vụ, hình thức thanh toán, nhận thông báo cước hoặc tạm ngưng, chấm dứt Hợp đồng. Bên A phải thanh toán các chi phí (nếu có) cho việc thực hiện các công việc trên.
- 8.1.8. Không tự ý dịch chuyển thiết bị do Bên B lắp đặt. Thiết bị, vật tư của Bên A đấu nối vào mạng dịch vụ của Bên B phải được hợp chuẩn theo quy định của Bộ Thông tin Truyền thông. Bồi thường các thiệt hại do làm mất, hỏng thiết bị do Bên B cung cấp (nếu có). Không sử dụng hoặc cho phép bất kỳ cá nhân, tổ chức khác sử dụng dịch

vụ; mạng nội bộ, mạng dùng riêng, thiết bị đầu cuối thuê bao, kênh truyền số liệu để kinh doanh trái phép các dịch vụ viễn thông dưới bất kỳ hình thức nào.

8.1.9 Các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

8.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

A. Quyền của Bên B

8.2.1. Thực hiện và yêu cầu Bên A thực hiện đúng các nội dung của Hợp đồng.

8.2.2. Tạm ngưng cung cấp dịch vụ hoặc chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Hợp đồng này.

8.2.3. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

B. Nghĩa vụ của Bên B

8.2.4. Chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố. Đảm bảo tính đúng, đủ, chính xác giá, cước.

8.2.5. Đảm bảo an toàn bí mật thông tin của Bên A theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

8.2.6. Tiếp nhận, xem xét, giải quyết các khiếu nại, yêu cầu thay đổi thông tin dịch vụ của Bên A theo quy định hiện hành.

8.2.7. Cung cấp cho Bên A hóa đơn cước phí sử dụng các dịch vụ theo đúng quy định hiện hành.

8.2.8. Khôi phục dịch vụ viễn thông trong một (1) giờ sau khi Bên A đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình đối với trường hợp tạm ngưng cung cấp dịch vụ theo quy định tại điều 6, khoản 6.1 và 6.2 a, b, c.

8.2.9. Thông báo bằng văn bản cho Bên A kế hoạch bảo dưỡng định kỳ hệ thống mạng nội bộ của Bên B trước 03 ngày.

8.2.10. Các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại

9.1. Phạm vi từ điểm kết cuối về phía Bên B thuộc trách nhiệm của Bên B. Phạm vi từ điểm kết cuối về phía Bên A thuộc trách nhiệm của Bên A.

9.2. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản cuối cùng

10.1. Trong quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng, các Bên có thể có thỏa thuận khác nhưng không được trái với Hợp đồng này. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng. Nếu bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước bên kia và trước pháp luật.

10.2. Đối với các vấn đề phát sinh không được ghi trong Hợp đồng thì áp dụng theo pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

10.3. Nếu các văn bản nêu trong phần căn cứ được sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ thì các quy định liên quan trong Hợp đồng cũng được thay đổi tương ứng.

10.4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

10.5. Mỗi Bên cam kết và bảo đảm rằng: Mỗi Bên có đầy đủ năng lực và thẩm quyền cần thiết để ký Hợp đồng và thực hiện các nghĩa vụ của mình nêu tại Hợp đồng. Người

đại diện cho mỗi Bên ký kết Hợp đồng là đại diện hợp pháp của mỗi Bên, có đầy đủ thẩm quyền để ký kết.

- 10.6. Hợp đồng gồm mười (10) điều, được lập thành bốn (04) bản tiếng việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ hai (02) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CHÁNH THANH TRA



Trần Minh Chiến

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC P. KHTCĐN
Nguyễn Quốc Khánh